

BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

MỘT SỐ PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI VÀ TÒA ÁN CÔNG LÝ QUỐC TẾ TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO TRÊN THẾ GIỚI TỪ NĂM 1928 ĐẾN NĂM 2016*

Nguyễn Thanh Minh**

Lời tòa soạn: Phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực ngày 12/7/2016 bác bỏ đường lưỡi bò của Trung Quốc trên Biển Đông đã tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý cho các quốc gia ở vùng Đông Nam Á chống lại sự xâm lấn của Trung Quốc trên Biển Đông. Nhân sự kiện này, mời bạn đọc nhìn lại một số phán quyết của các Tòa Trọng tài quốc tế để thấy được vai trò của các tổ chức này trong việc giải quyết các tranh chấp chủ quyền lãnh thổ. Trong một số trường hợp, phán quyết của các thẩm phán đã trở thành những án lệ kinh điển trong lịch sử giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ bằng biện pháp pháp luật mà các thế hệ sau không thể không viện dẫn để phân xử tranh chấp.

Mở đầu

Giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo bằng biện pháp pháp luật đã xuất hiện từ lâu gắn liền với những phán quyết của Tòa án Trọng tài Thường trực (Permanent Court of Arbitration - PCA), Tòa án Thường trực Công lý Quốc tế (Permanent Court of International Justice - PCIJ) và Tòa án Công lý Quốc tế (International Court of Justice - ICJ). Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trong đó có tranh chấp chủ quyền biển đảo đã xuất hiện ở nhiều khu vực trên phạm vi toàn thế giới. Nguyên nhân của tranh chấp chủ quyền biển đảo là do quan điểm chủ quyền của các quốc gia khác xa nhau, đồng thời xuất hiện các tham vọng địa chiến lược, địa quân sự, địa chính trị và địa kinh tế của một số quốc gia. Có những vụ việc đã được các bên tham gia tranh chấp đệ trình lên các cơ quan tài phán quốc tế thụ lý và phân xử một cách công bằng. Giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trong đó có tranh chấp chủ quyền biển đảo bằng biện pháp pháp luật là phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hiệp Quốc và những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Đôi khi những phán quyết của các thẩm phán đã trở thành những án lệ kinh

* Bài viết được tác giả thực hiện trong quá trình tham gia Hội thảo khoa học quốc tế tại Tokyo, Nhật Bản về tình hình châu Á - Thái Bình Dương, từ ngày 18 đến 22/02/2016 và được cập nhật thêm phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực trong vụ Philippines kiện Trung Quốc ở Biển Đông ngày 12/7/2016.

** Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển.

diễn trong lịch sử giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ bằng biện pháp pháp luật mà các thể chế sau không thể không viện dẫn để phân xử tranh chấp.

Giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo trên thế giới nói chung và khu vực Biển Đông nói riêng bằng biện pháp pháp luật trong bối cảnh hiện nay đã trở thành nhu cầu cấp thiết khi mà các quốc gia hữu quan đang có những bất đồng, mâu thuẫn và quan điểm trái ngược nhau về chủ quyền đối với một số quần đảo và đảo trong khu vực Biển Đông. Mọi sự tranh chấp chủ quyền biển đảo nếu không được giải quyết bằng biện pháp pháp luật sẽ khó đem lại sự bình yên cho khu vực đó. Chính vì vậy, bài viết này nhằm hệ thống lại những phán quyết của các thẩm phán của các cơ quan tài phán quốc tế về giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo trên thế giới và tiếp cận dưới góc độ đúc rút những bài học kinh nghiệm từ những án lệ của các cơ quan tài phán quốc tế về giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo.

1. Phán quyết của Tòa án Trọng tài Thường trực đối với vụ án tranh chấp đảo Palmas giữa Mỹ và Hà Lan

Khái quát chung về đảo Palmas

Đảo Palmas là một hòn đảo nằm giữa Indonesia (trước đây là thuộc địa của Hà Lan) và Philippines (trước đây là thuộc địa của Tây Ban Nha), đảo Palmas xét về khoảng cách địa lý thì nằm gần Philippines hơn Indonesia. Xét về giá trị kinh tế, đảo Palmas là đảo có người dân sinh sống với những điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển một số lĩnh vực kinh tế, có điều kiện thuận lợi để phát triển giao thương buôn bán. Về vị trí địa chiến lược, đảo Palmas có vị trí quan trọng, trên hướng biển là khu vực có thể triển khai chính sách phát triển kinh tế biển và triển khai căn cứ quân sự, đặc biệt là đối với lực lượng hải quân và lực lượng chấp pháp trên biển. Về mật độ dân số của đảo Palmas khoảng trên 760 người/1km², tính đến năm 2015.

Năm 1898, Tây Ban Nha ký hòa ước nhượng lại Philippines cho Hoa Kỳ, bao gồm cả đảo Palmas. Năm 1906, Hà Lan đã khẳng định chủ quyền đối với đảo Palmas. Nhận thấy Hà Lan khẳng định chủ quyền đối với đảo Palmas, cho nên Hoa Kỳ đồng ý giải quyết tranh chấp tại Tòa án Trọng tài Thường trực (PCA)⁽¹⁾ vào năm 1928, thẩm phán vụ này là Max Huber, người Thụy Sĩ.

Cơ sở pháp lý và lập luận của hai bên

Lập luận của Hoa Kỳ: Hoa Kỳ đòi chủ quyền bằng lập luận về quyền khám phá và sở hữu liền kề. Hà Lan đưa ra quan điểm: Hà Lan là quốc gia nắm giữ quyền sở hữu thực tế trong hòa bình, kéo dài liên tục suốt hơn hai thế kỷ mà không gặp phải sự phản đối nào của Nhà nước Tây Ban Nha, đồng thời Hà Lan đã ký hàng loạt các hiệp định với nhà cầm quyền địa phương, từ đó lập nên thuộc địa Hà Lan trên đảo Palmas, kèm theo các hoạt động kinh tế, nghĩa vụ khi có chiến tranh, đối ngoại v.v...

Phán quyết của Tòa

Tây Ban Nha không thể chuyển nhượng hợp pháp cái mà họ không sở hữu. Bởi quả nhiên họ nắm giữ sở hữu ban đầu khi khám phá đảo, nhưng sau đó không thực thi quyền lực thực sự với đảo nên đòi hỏi của Hoa Kỳ là yếu ớt, mờ nhạt và không được chấp nhận. Ngược lại các hoạt động của Hà Lan đối với đảo Palmas là đặc trưng quyền lực của nhà nước, nó diễn ra trong hòa bình bởi không có xung đột nào giữa các quốc gia, nó liên tục trong suốt thời gian dài, mặc dù cũng có những khoảng trống nhất định cụ thể từ năm 1726 đến năm 1825. Như vậy, Palmas là lãnh thổ thuộc sở hữu của Hà Lan.⁽²⁾

2. Phán quyết của Tòa án Thường trực Công lý Quốc tế (PCIJ) đối với vụ án tranh chấp Đông Greenland giữa Na Uy và Đan Mạch giai đoạn 1931-1933

Khái quát chung về đảo Greenland

Greenland là lãnh thổ cực bắc Trái đất, rộng khoảng 4.650km², 81% diện tích có băng phủ không thể sinh sống. Năm 1931, Na Uy chiếm đóng và tuyên bố chủ quyền phía Đông Greenland - phần đất không có người ở - vì cho rằng đó là đất vô chủ chưa thuộc sở hữu của bất kỳ quốc gia nào. Đan Mạch lại đòi chủ quyền với toàn bộ Greenland trong khi chỉ chiếm hữu thực sự một phần diện tích của đảo. Năm 1933, hai nước đồng ý giải quyết tranh chấp chủ quyền tại Tòa án Thường trực Công lý Quốc tế, mà sau này là Tòa án Công lý Quốc tế.⁽³⁾

Cơ sở pháp lý và lập luận của hai bên

Lập luận của Na Uy: Na Uy cho rằng họ đã chiếm Đông Greenland là vùng đất vô chủ chưa thuộc quyền sở hữu của bất kỳ quốc gia nào. Lập luận của Đan Mạch: Đan Mạch đã chứng minh chủ quyền đối với toàn bộ đảo không bằng hành vi chiếm hữu cụ thể nào mà bằng một loạt các sắc lệnh, luật thực thi pháp luật, hành chính trải dài khoảng 1.000 năm trước, đặt Greenland dưới sự điều hành của Đan Mạch, quy định lưu thông hàng hải quanh Greenland, quy định việc săn bắt và đánh cá, quy định việc cấp giấy phép cho các quốc gia và người đến thăm phía Đông Greenland, các hoạt động thám hiểm v.v..., quá trình Đan Mạch thực hiện các hành động đó diễn ra trong hòa bình.

Phán quyết của Tòa

Việc xác lập chủ quyền đối với vùng đất không thể sinh sống chỉ cần quốc gia có ý định chiếm hữu và thực hiện một số hoạt động mang tính quyền lực nhà nước là đủ. Tòa xác định Đan Mạch đã có ý định và thẩm quyền quốc gia đã nêu là đầy đủ để có chủ quyền với toàn bộ Greenland. Với những khu vực không thể sinh sống thì yêu cầu để duy trì chủ quyền trên lãnh thổ là ít nghiêm ngặt hơn so với các khu vực có thể qua lại và đông dân cư. Đây chính là sự thay đổi một phần trong nội dung của nguyên tắc chiếm hữu thật sự khi nó được vận dụng trong một điều kiện lãnh thổ mới. Như vậy, chủ quyền của đảo Greenland thuộc về Đan Mạch.⁽⁴⁾

3. Phán quyết của Tòa án Trọng tài Thường trực đối với vụ án tranh chấp chủ quyền đảo Clipperton giữa Pháp và Mexico năm 1931

Khái quát chung về đảo Clipperton

Clipperton là một đảo rộng khoảng 9km², là đảo san hô không thể sinh sống ở phía Đông Thái Bình Dương. Trong bối cảnh hai quốc gia Pháp và Mexico có yêu sách chủ quyền, nhưng cả hai đều đồng ý giải quyết tranh chấp từ năm 1909, mãi đến năm 1931, PCA mới đưa ra phán quyết của vụ án.

Cơ sở pháp lý và lập luận của hai bên

Lập luận của Mexico: Mexico cho rằng, Tây Ban Nha đã phát hiện ra hòn đảo này trước Pháp rất lâu và để lại quyền thừa kế cho Mexico. Lập luận của Pháp: Pháp cho rằng, Pháp là quốc gia phát hiện ra đảo Clipperton năm 1858 và tuyên bố chủ quyền mà không có quốc gia nào phản đối. Nước Pháp đã tiến hành các hoạt động như khai thác phân chim, cho các tàu chiến đến neo đậu nhằm khẳng định chủ quyền.

Phán quyết của Tòa

Đối với lãnh thổ không thể sinh sống được thì không cần thiết sự hiện diện thường xuyên các hoạt động mang tính quyền lực nhà nước tại đó, tại thời điểm quốc gia chiếm hữu xác lập chủ quyền mà không có tranh chấp thì việc xác lập chủ quyền coi như đã hoàn thành. Giống như đảo Greenland, đối với lãnh thổ không thể sinh sống như Clipperton thì những đòi hỏi khắt khe của nguyên tắc chiếm hữu thật sự hầu như không được vận dụng, ngoại trừ yếu tố hòa bình, hoặc là nó được vận dụng ở mức tối thiểu nhất - không đòi hỏi việc thực hiện quyền lực nhà nước liên tục, thường xuyên trên lãnh thổ chiếm hữu. Như vậy, chủ quyền của đảo Clipperton thuộc về nước Pháp, đây là lãnh thổ hải ngoại của nước Pháp.⁽⁵⁾

4. Phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế đối với vụ án tranh chấp chủ quyền nhóm đảo Minquies và Ecrehos giữa Anh và Pháp giai đoạn 1951-1953

Khái quát chung về hai nhóm đảo Minquies và Ecrehos

Minquies và Ecrehos là hai nhóm đảo nhỏ và đảo đá nằm giữa đảo British Channel thuộc Jersey của Anh và bờ biển Pháp. Trong hai nhóm đảo Minquies và Ecrehos có một số đảo có thể sinh sống, còn lại phần lớn là những đảo đá. Năm 1951, cả hai nước Anh và Pháp yêu cầu ICJ xem xét bên nào có bằng chứng chủ quyền thuyết phục hơn để có quyền sở hữu với hai nhóm đảo Minquies và Ecrehos.

Cơ sở pháp lý và lập luận của hai bên

Lập luận của Pháp: Nước Pháp có Hiệp ước nghề cá xác định vùng hợp tác bao gồm hai nhóm đảo, các tiểu bang ở Jersey của Anh bị cấm đánh bắt và hạn chế nhập cảnh vào Ecrehos do hai Chính phủ trao đổi ngoại giao, một phần Ecrehos bị

đánh dấu trên hải đồ là ở ngoài vùng nước Jersey và bị coi là đất vô chủ, Pháp đã gửi văn bản tới Anh khẳng định chủ quyền ở Ecrehos. Minquies là vùng nước phụ cận thuộc đảo Chausey của Pháp, các nhà cầm quyền Pháp đã trao đổi thư từ liên quan tới đơn xin sử dụng đất của công dân Pháp ở Minquies. Đồng thời Pháp đảm nhận về điện năng và phao cứu sinh cho Minquies mà Anh không phản đối. Một ngôi nhà được dựng lên trên một đảo nhỏ ở Minquies với sự trợ giúp của thị trưởng Pháp, đồng thời Chính phủ Pháp cũng tới thăm Minquies.

Lập luận của Anh: Nước Anh đưa ra bằng chứng là Tòa án Jersey đã xét xử tội phạm ở Ecrehos trong vòng một thế kỷ từ năm 1826 đến năm 1921. Xét xử những vụ đắm tàu, hồ sơ về vụ ám sát người của phái đoàn ngoại giao được tìm thấy ở Minquies và việc dựng nhà, lều trại trên những đảo nhỏ. Chính quyền Jersey đã thu thuế và cho đăng ký hợp đồng nhà đất, đăng ký tàu thuyền, lập trạm hải quan ở Ecrehos, các thủ tục hợp đồng và thuê bắt động sản ở Minquies cũng được đăng ký và thanh toán ở Jersey. Đồng thời Anh có sắc lệnh của kho bạc tác động đến Ecrehos và sự viếng thăm của các quan chức Anh tới Ecrehos.

Phán quyết của Tòa

Tòa án nhận thấy hoạt động trao đổi thư từ, đặt phao cứu sinh hay một số hành vi tương tự không được coi là Pháp đã thực thi quyền lực nhà nước đầy đủ với các đảo. Trong khi Anh đã thực thi các chức năng nhà nước về tư pháp, hành chính để quản lý các đảo trong thời gian dài, nó chứng tỏ Anh đã thực thi quyền lực nhà nước đối với các đảo một cách thực sự và đầy đủ hơn Pháp, vậy nên, chủ quyền hai nhóm đảo thuộc Anh.⁽⁶⁾

5. Phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế đối với vụ án tranh chấp biên giới trên bộ và trên biển giữa Cameroon và Nigeria năm 2002

Khái quát chung về biên giới trên biển và trên bộ vùng hồ Chad

Vùng hồ Chad đã được phân định từ thời thực dân giữa 3 nước Anh, Pháp và Đức. Nhưng hai quốc gia Cameroon và Nigeria đã bất đồng khi áp dụng đường biên giới đó. Năm 1994, Cameroon đệ đơn đến ICJ, khởi đầu cho việc giải quyết tranh chấp chủ quyền vùng biên giới trên bộ và trên biển giữa hai quốc gia.

Cơ sở pháp lý và lập luận của hai bên

Lập luận của Cameroon: Cameroon khẳng định chủ quyền vùng hồ Chad do kế thừa từ thời thực dân. Cameroon đã thực thi chủ quyền bằng các cuộc viếng thăm của quan chức địa phương, bầu cử, duy trì pháp luật và an ninh, họp mặt các trưởng làng, thu các loại thuế. Từ năm 1987, Cameroon đã phản đối Nigeria dùng quân đội tiếp quản trạm huấn luyện nghề cá và tìm cách quản lý hành chính khu vực tranh chấp. Đồng thời phản đối Nigeria vi phạm nguyên tắc estoppels⁽⁷⁾ vì

trước kia đã công nhận đường biên giới từ thời thực dân và giao phó cho Ủy ban cắm mốc, coi hành vi của Nigeria là xâm chiếm, vi phạm luật pháp quốc tế.

Lập luận của Nigeria: Trên thực tế Nigeria chỉ công nhận một số nội dung phân định ranh giới từ thời thực dân, không công nhận sự khẳng định chủ quyền bằng chiếm hữu thật sự thông qua hoạt động hỗ trợ y tế-giáo dục, quản lý, giám sát, thu thuế các làng ở vùng hồ Chad mà không có phản đối từ Cameroon.

Phán quyết của Tòa

Đường biên giới thời thực dân vẫn giữ nguyên hiệu lực. Cameroon đã nắm giữ chủ quyền trước khi Nigeria thực thi chủ quyền, mặc dù họ không có hoạt động thường xuyên nhưng luôn tìm cách thực thi chủ quyền, cho dù có rất ít thành công, họ đã rõ ràng phản đối hành vi của Nigeria. Nigeria thua kiện cho dù đã thực thi quyền lực nhà nước trên lãnh thổ tranh chấp bởi nó không đáp ứng tiêu chí hòa bình của chiếm hữu thật sự.⁽⁸⁾

6. Phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế đối với vụ tranh chấp đảo Pulau Ligitan và Pulau Sipadan giữa Malaysia và Indonesia năm 2002

Pulau Ligitan và Pulau Sipadan là hai đảo nhỏ không có dân cư sinh sống, giá trị kinh tế không lớn, tranh chấp từ năm 1969 do cả hai quốc gia đều viện dẫn quyền sở hữu từ thời phong kiến (hồi thế kỷ XVI), điều ước quốc tế thời thuộc địa, nhưng không được ICJ công nhận nên hai nước đã viện dẫn nguyên tắc *chiếm hữu thật sự* trước năm 1969 để khẳng định chủ quyền.

Lập luận của các bên

Lập luận của Indonesia: Indonesia viện dẫn báo cáo của tàu Hà Lan khẳng định hai đảo thuộc quyền sở hữu của Hà Lan, các cuộc điều tra thủy văn xung quanh hai đảo, cuộc viếng thăm của hải quân, ngư dân có truyền thống đánh bắt xung quanh hai đảo. Lập luận của Malaysia: Malaysia cho rằng thời thuộc địa, Anh đã thu thập, quản lý, kiểm soát trứng rùa trên đảo từ năm 1914, có pháp lệnh bảo tồn rùa, giải quyết tranh chấp liên quan đến thu thập trứng rùa, cấp phép cho tàu đánh cá xung quanh đảo, xây hải đăng và trợ giúp đường biển cho hai đảo mà Indonesia không phản đối; sau thời thuộc địa, Malaysia đã luôn khẳng định chủ quyền trong quá trình đàm phán với Indonesia về thêm lục địa trong khi Indonesia không quan tâm đòi chủ quyền hai đảo. Malaysia cũng đã khai thác du lịch, giữ an ninh, môi trường cho Sipadan đến thời điểm 1997, hai đảo là khu bảo tồn của Malaysia.

Phán quyết của Tòa

Indonesia không có hoạt động lập pháp đối với đảo, đạo luật năm 1960 và bản đồ kèm theo không đề cập đến hai đảo, chuyến đi của tàu Hà Lan được xác định

là hoạt động chung của Hà Lan và Anh để chống cướp biển, việc đánh bắt cá chỉ là hoạt động tư nhân vì không có quy định của Chính phủ, Indonesia đã không thể hiện có ý định thiết lập chủ quyền. Malaysia đã điều tiết, kiểm soát trùng rùa, thực hiện kế hoạch dự trữ gia cầm cho quốc gia, là hoạt động thẩm quyền hành chính nhà nước trên các đảo. Việc xây hải đăng chỉ dẫn giao thông thường không liên quan đến quyền lực nhà nước, nhưng tiền lệ vụ tranh chấp giữa Qatar và Bahrain cho phép Tòa xác định hoạt động này là phù hợp với các đảo nhỏ. Bên cạnh đó là sự im lặng của Indonesia. Tòa cho rằng với hoạt động của Anh, Malaysia kế thừa đã bao gồm cả hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp, nó diễn ra trong thời gian dài, thể hiện ý định thực thi quyền lực nhà nước đối với hai đảo. Malaysia thắng kiện.⁽⁹⁾

7. Vụ tranh chấp các đảo Pedra Branca/Pulau Batu Puteh, Middle Rocks và South Ledge giữa Malaysia và Singapore năm 2008

Tranh chấp này tương tự như tranh chấp đảo Ligitan và Sipadan, nhưng điểm khác biệt là Tòa án Công lý Quốc tế xác định quyền sở hữu nguyên gốc các đảo thuộc về Malaysia, nhưng Tòa lại trao chủ quyền cho Singapore bởi Singapore đã có một số hoạt động chiếm hữu thật sự như: Thám hiểm xác tàu đắm trong lãnh hải của đảo, thăm dò các vùng nước xung quanh đảo, có kế hoạch khai hoang các khu vực xung quanh đảo, tất cả các hoạt động này diễn ra trong sự im lặng của Nhà nước phong kiến Malaysia và hiện tại, thậm chí sau tháng 6/2003, thời điểm thỏa thuận đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa có hiệu lực, thì Malaysia mới phản đối những việc Singapore đã làm từ những năm 1980.⁽¹⁰⁾

Có thể thấy rằng, nguyên tắc *chiếm hữu thật sự* luôn đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ trải dài từ cuối thế kỷ XIX cho đến ngày nay. Nó được các cơ quan tài phán quốc tế vận dụng một cách thật sự linh hoạt để đưa ra phán quyết chủ quyền với những lãnh thổ có điều kiện địa lý và tự nhiên khác nhau. Nguyên tắc chiếm hữu thật sự cũng hoạt động trong mối quan hệ tương thích với những quy định khác của luật quốc tế hiện đại để xác định và bảo vệ chủ quyền quốc gia, như: Nguyên tắc bình đẳng giữa các quốc gia, cấm sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế, quy chế của các vùng biển, đảo trong luật biển.

8. Phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực đối với vụ Philippines kiện Trung Quốc ở Biển Đông (22/01/2013-12/7/2016)

Quan điểm của các bên

Trong vụ kiện của Philippines đối với Trung Quốc lên Tòa Trọng tài Thường trực, Philippines yêu cầu Tòa phán quyết về bốn vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa Philippines và Trung Quốc ở Biển Đông.

Thứ nhất, Philippines yêu cầu Tòa phán quyết về nguồn luật quy định quyền và nghĩa vụ của các bên trên Biển Đông và hiệu lực của Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật Biển quốc tế năm 1982 (UNCLOS) đối với yêu sách về quyền lịch sử bên trong cái gọi là đường chín đoạn (đường lưỡi bò) của Trung Quốc.

Thứ hai, Philippines yêu cầu Tòa phán quyết về liệu một số cấu trúc mà cả Trung Quốc và Philippines cùng yêu sách được xác định chính xác là đảo, đảo đá, bãi cạn lúc nổi lúc chìm hay bãi chìm theo UNCLOS. Quy chế pháp lý của các cấu trúc này theo UNCLOS quyết định vùng biển mà những cấu trúc đó có thể có được.

Thứ ba, Philippines yêu cầu Tòa phán quyết liệu một số hành động của Trung Quốc ở Biển Đông có vi phạm UNCLOS không khi can thiệp vào việc Philippines thực thi các quyền chủ quyền và quyền tự do phù hợp với Công ước, cũng như Trung Quốc đã làm tổn hại đến môi trường biển thông qua các hoạt động đánh cá và xây dựng.

Cuối cùng, Philippines yêu cầu Tòa phán quyết về một số hoạt động do Trung Quốc tiến hành, cụ thể là việc cải tạo đất quy mô lớn và xây dựng đảo nhân tạo ở quần đảo Trường Sa kể từ khi vụ kiện bắt đầu đến nay đã làm mở rộng và làm phức tạp thêm tranh chấp.

Quan điểm của Chính phủ Trung Quốc là không chấp nhận và không tham gia vào trình tự tố tụng của vụ kiện. Trung Quốc đã nhiều lần nhắc lại quan điểm này trong các công hàm ngoại giao, cũng như trong văn bản có tên “Tài liệu nêu lập trường của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về vấn đề quyền tài phán trong vụ kiện liên quan đến biển Hoa Nam (Biển Đông) do Cộng hòa Philippines khởi xướng” đề ngày 07/12/2014.

Phán quyết của Tòa

Quyền lịch sử và đường 9 đoạn: Tòa Trọng tài nhận thấy có thẩm quyền để xem xét tranh chấp giữa các bên liên quan đến quyền lịch sử và nguồn của quyền hưởng các vùng biển tại Biển Đông. Về mặt nội dung, Tòa kết luận rằng UNCLOS quy định một cách toàn diện về các quyền đối với các vùng biển, và việc bảo vệ các quyền tồn tại trước UNCLOS liên quan đến tài nguyên đã được xem xét, nhưng chúng không được thông qua và quy định tại UNCLOS. Theo đó, Tòa kết luận rằng trong phạm vi quyền lịch sử của Trung Quốc đối với các nguồn tài nguyên trong các vùng biển ở Biển Đông, quyền này bị xóa bỏ do chúng không phù hợp với chế định vùng đặc quyền kinh tế trong UNCLOS. Tòa cũng nhận thấy dù trong lịch sử, những người đi biển cũng như ngư dân từ Trung Quốc cũng như từ các nước khác đã sử dụng các đảo tại Biển Đông nhưng không có bất kỳ bằng chứng nào cho thấy về mặt lịch sử Trung Quốc đã chỉ một mình thực hiện việc kiểm soát vùng nước này cũng như tài nguyên tại đây. Vì vậy, Tòa kết luận không có cơ sở pháp lý để

Trung Quốc yêu sách quyền lịch sử đối với tài nguyên tại các vùng biển phía bên trong đường 9 đoạn.

Quy chế của các cấu trúc: Tiếp theo, Tòa Trọng tài xem xét đến quyền hưởng các vùng biển và quy chế của các cấu trúc. Trước tiên, Tòa tiến hành đánh giá liệu một số bãi do Trung Quốc yêu sách có nổi khi thủy triều lên đỉnh hay không. Các cấu trúc nổi khi thủy triều lên cao sẽ tạo ra quyền ít nhất đối với lãnh hải 12 hải lý trong khi các cấu trúc chìm khi thủy triều lên cao sẽ không tạo ra quyền như vậy. Tòa nhận thấy rằng các bãi này đã bị làm biến đổi mạnh mẽ do việc bồi đắp, xây dựng và Tòa cũng nhắc lại rằng UNCLOS phân loại các cấu trúc dựa trên điều kiện tự nhiên của chúng và dựa vào các tài liệu lịch sử để đánh giá các cấu trúc. Sau đó, Tòa trọng tài tiến hành đánh giá liệu có các cấu trúc nào trong số các cấu trúc do Trung Quốc yêu sách có thể tạo ra vùng biển ngoài phạm vi 12 hải lý không. Theo UNCLOS, các đảo tạo ra vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa nhưng các đảo đá không thích hợp cho con người đến ở và có đời sống kinh tế riêng thì không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Tòa kết luận rằng quy định này phụ thuộc vào khả năng khách quan của các cấu trúc khi chúng ở tình trạng tự nhiên để có thể duy trì một cộng đồng dân cư ổn định hoặc các hoạt động kinh tế mà không phụ thuộc vào các nguồn lực từ bên ngoài hoặc hoàn toàn chỉ có tính chất khai thác. Tòa cũng nhận thấy rằng sự có mặt của các nhân viên công vụ trên các cấu trúc là phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ bên ngoài và không phản ánh khả năng của các cấu trúc. Tòa cũng thấy rằng các bằng chứng lịch sử có ý nghĩa hơn và nhận thấy quần đảo Trường Sa trong lịch sử được sử dụng bởi một số nhóm nhỏ các ngư dân và rằng đã có một vài hoạt động khai thác phân dơi và đánh cá của Nhật Bản. Tòa kết luận rằng việc sử dụng ngăn hạn như vậy không phải là sự định cư của một cộng đồng ổn định và rằng các hoạt động kinh tế trong lịch sử chỉ là hoạt động mang tính khai thác. Theo đó, Tòa kết luận rằng không một cấu trúc nào tại Trường Sa có khả năng tạo ra các vùng biển mở rộng. Tòa cũng quyết định rằng các đảo Trường Sa không thể cùng nhau tạo ra các vùng biển như một thực thể thống nhất.

Trên cơ sở kết luận không một cấu trúc nào mà Trung Quốc yêu sách có khả năng tạo ra vùng đặc quyền kinh tế, Tòa nhận thấy Tòa có thể không cần phải phân định ranh giới biển mà vẫn có thể tuyên bố rằng một số vùng biển nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của Philippines vì không bị chồng lấn với bất cứ quyền hưởng vùng biển nào mà Trung Quốc có thể có.

Tính hợp pháp của các hoạt động của Trung Quốc: Tiếp theo, Tòa xem xét tới tính hợp pháp của các hoạt động của Trung Quốc ở Biển Đông. Nhận thấy rằng các vùng nhất định nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của Philippines, Tòa cho rằng Trung Quốc đã vi phạm quyền chủ quyền của Philippines trong vùng đặc

quyền kinh tế của nước này bằng các việc: a) Can thiệp vào hoạt động đánh cá và thăm dò dầu khí của Philippines; b) Xây dựng đảo nhân tạo và c) Không ngăn chặn ngư dân Trung Quốc đánh bắt ở khu vực này. Tòa cũng khẳng định rằng ngư dân Philippines cũng như ngư dân Trung Quốc đã có quyền đánh cá truyền thống ở bãi Scarborough và rằng Trung Quốc đã ngăn chặn các quyền này bằng cách hạn chế việc tiếp cận khu vực này. Tòa cũng khẳng định rằng các tàu chấp pháp của Trung Quốc gây ra một rủi ro va chạm nghiêm trọng một cách bất hợp pháp khi họ đã trực tiếp cản trở các tàu của Philippines.

Gây hại cho môi trường biển: Tòa xem xét ảnh hưởng với môi trường biển của các hoạt động bồi đắp và xây dựng nhân tạo trên 7 cấu trúc của quần đảo Trường Sa gần đây của Trung Quốc, và nhận thấy rằng Trung Quốc đã gây hại nghiêm trọng với môi trường của các rạn san hô và vi phạm nghĩa vụ bảo tồn và bảo vệ các hệ sinh thái dễ bị tổn thương và môi trường sống của các loài đang suy yếu, bị đe dọa và bị hủy diệt. Tòa cũng cho rằng nhà chức trách Trung Quốc đã nhận thức được việc ngư dân Trung Quốc đã đánh bắt các loài rùa biển, san hô và trai khổng lồ quý hiếm trên diện rộng ở Biển Đông bằng các biện pháp gây ra tổn hại nghiêm trọng với môi trường rạn san hô và đã không thực hiện các nghĩa vụ của nước này trong việc ngăn chặn và chấm dứt các hoạt động này.

Làm trầm trọng thêm tranh chấp: Cuối cùng, Tòa xem xét liệu các hoạt động của Trung Quốc kể từ khi Tòa bắt đầu xem xét vụ việc có làm trầm trọng thêm tranh chấp giữa các bên hay không. Tòa nhận thấy rằng Tòa thiếu thẩm quyền để xem xét tác động của vụ đối đầu giữa tàu hải quân của Philippines và tàu hải quân và chấp pháp của Trung Quốc ở bãi cạn Second Thomas, cho rằng tranh chấp này liên quan đến các hoạt động quân sự và do vậy, nằm ngoài cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc. Tuy nhiên, Tòa nhận thấy rằng việc bồi đắp và xây dựng đảo nhân tạo trên quy mô lớn của Trung Quốc gần đây là không phù hợp với nghĩa vụ của quốc gia thành viên UNCLOS trong quá trình giải quyết tranh chấp, trong chừng mực mà Trung Quốc đã gây ra những tác hại không thể sửa chữa được với môi trường biển, xây dựng một đảo nhân tạo lớn trong vùng đặc quyền kinh tế của Philippines, và phá hủy các bằng chứng về điều kiện tự nhiên của các cấu trúc ở Biển Đông vốn là một phần của tranh chấp giữa các bên.

Kết luận

Qua phân tích những án lệ về giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo trên cho thấy: trước năm 1922, việc giải quyết tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ giữa các quốc gia do Tòa án Trọng tài Thường trực tiến hành. Từ khoảng năm 1922 đến năm 1945 công việc này do Tòa án Thường trực Công lý Quốc tế đảm nhiệm, từ năm 1945 đến nay thì thuộc Tòa án Công lý Quốc tế. Tính đến nay, các cơ quan tài phán này đã giải quyết khoảng 20 vụ tranh chấp chủ quyền lãnh thổ. Khi giải quyết

các tranh chấp đó, các trọng tài và thẩm phán đều viện dẫn tới nguyên tắc chiếm hữu thật sự để quyết định sẽ trao chủ quyền lãnh thổ cho quốc gia nào.

Nguyên tắc *chiếm hữu thật sự* được hình thành từ năm 1885, đáp ứng nhu cầu giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ ở các khu vực châu Phi giữa các nước châu Âu trong quá trình đi tìm vùng đất mới của các nước này, ghi nhận tại Định ước Berlin với hai nội dung chủ yếu: Thứ nhất, quốc gia chiếm hữu lãnh thổ phải thông báo cho các nước khác. Thứ hai, nước chiếm hữu phải có hiện diện của tổ chức chính quyền tại chỗ để thi hành pháp luật. Sau đó, Tuyên bố của Viện Pháp luật Quốc tế ở Lausanne của Thụy Sĩ, năm 1888, tiếp tục khẳng định nguyên tắc chiếm hữu thật sự nhưng nhấn mạnh thêm rằng: Việc chiếm hữu phải là thực sự - thực tế chứ không phải trên danh nghĩa. Tuy nhiên, khi Thế chiến thứ nhất kết thúc, Hiệp ước Saint-Germain ngày 10/9/1919 đã tuyên bố hủy bỏ Định ước Berlin với lý do trên thế giới không còn lãnh thổ vô chủ nữa. Nhưng do tính hợp lý và khoa học của nguyên tắc chiếm hữu thực sự mà các cơ quan tài phán quốc tế vẫn viện dẫn nguyên tắc này khi giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ giữa các quốc gia. Quá trình đó làm cho nguyên tắc chiếm hữu thật sự ban đầu đã có những thay đổi nhất định, nó trở nên linh hoạt và có thể vận dụng để giải quyết hầu hết các tranh chấp chủ quyền lãnh thổ với những đặc điểm địa lý và tự nhiên hoàn toàn khác nhau.

Qua đó chỉ ra, chiếm hữu thật sự gồm ba điều kiện sau: 1. *Chủ thể chiếm hữu lãnh thổ phải là quốc gia.* 2. *Đối tượng chiếm hữu phải là lãnh thổ vô chủ hoặc bị bỏ rơi.* 3. *Hành vi chiếm hữu phải hội tụ đủ cả yếu tố vật chất và tinh thần của chủ thể chiếm hữu.*

Yếu tố vật chất thể hiện rằng hành vi chiếm hữu phải diễn ra trong điều kiện hòa bình, thực sự, đầy đủ, liên tục trong thời gian dài nhất định phù hợp với điều kiện tự nhiên của lãnh thổ.

Yếu tố tinh thần thể hiện rằng quốc gia chiếm hữu phải thể hiện rõ ý định chiếm hữu lãnh thổ của mình.

N T M

CHÚ THÍCH

- (1) Tòa án Trọng tài Thường trực, tên tiếng Anh là Permanent Court of Arbitration - PCA, là một tổ chức quốc tế có trụ sở tại La Hay, Hà Lan. Tòa được thành lập năm 1899 tại Hội nghị Hòa bình Hague đầu tiên với sự ra đời các công ước Den Haag 1899 và 1907.
- (2) Reports of International Arbitral Awards Recueil Dessentences Arbitrales. Island of Palmas case - Netherlands, USA, 4 April 1928, Volume II, pp. 829-871.
- (3) Tòa án Công lý Quốc tế, tên tiếng Anh là International Court of Justice - ICJ, là một phân ban trực thuộc Liên Hiệp Quốc, được thành lập vào năm 1945 mà tiền thân là Tòa án Thường trực Công lý Quốc tế, tên tiếng Anh là Permanent Court of International Justice - PCIJ ra đời

từ năm 1922. Tòa bắt đầu chính thức nhận hồ sơ, thụ lý và giải quyết các vấn đề tranh chấp giữa các quốc gia thành viên có liên quan, cũng như làm công tác cố vấn pháp luật cho Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, và các ủy ban khác trực thuộc Liên Hiệp Quốc như đã ghi rõ trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc từ năm 1946. Tòa tọa lạc tại thành phố Den Haag (La Haye - tiếng Pháp), Hà Lan.

- (4) Eastern Greenland 1933, PCIJ, Series, AIB, N^o. 53.
- (5) Phán quyết của vua Italia ngày 28/01/1931 về việc giải quyết tranh chấp giữa Pháp và Mexico trong vụ đảo Clipperton, *Tuyển tập các phán quyết của Tòa án Trọng tài Quốc tế*, Tập II, tr. 1110-1111. Nguồn tư liệu tại trang web của PCA: <https://pcacases.com>.
- (6) Phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế ngày 17/11/1953 giải quyết tranh chấp giữa Anh và Pháp về chủ quyền đối với các đảo Minquiers và Écréhous, *Tuyển tập các phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế*, 1953, tr. 47-73. Nguồn tư liệu tại trang web của PCA: <https://pcacases.com>.
- (7) Theo nguyên tắc này, một quốc gia phải nhất quán trong ứng xử và không được bác bỏ một thực tế đã được chính quốc gia này thừa nhận trước đó. Mục tiêu chính của nguyên tắc này là không cho phép một quốc gia được hưởng lợi hoặc gây thiệt hại cho một quốc gia khác thông qua cách ứng xử không nhất quán của mình. Estoppel có thể được suy diễn từ một thái độ, những lời tuyên bố của một quốc gia nhằm chấp nhận một tình trạng nào đó; thái độ hoặc lời tuyên bố không những phải được thực hiện một cách rõ ràng và liên tục, mà còn phải khiến cho một hoặc nhiều quốc gia khác dựa vào đó mà thay đổi hoạt động và phải chịu thiệt hại.
- (8) Phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế ngày 10/10/2002 trong vụ tranh chấp giữa Nigeria và Cameroon về chủ quyền trên đất và biển ở khu vực hồ Chad và bán đảo Bakassi, *Tuyển tập các phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế*, 2002, tr. 303-458, Para 48, 53, 62-70. Nguồn tư liệu tại trang web của PCA: <https://pcacases.com>.
- (9) Phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế ngày 17/12/2002 trong vụ tranh chấp giữa Indonesia và Malaysia về chủ quyền đối với Pulau Ligitan và Pulau Sipadan, *Tuyển tập các phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế*, 2002, tr. 625-686. Nguồn tư liệu tại trang web của PCA: <https://pcacases.com>.
- (10) Phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế ngày 23/5/2008 trong vụ tranh chấp giữa Malaysia và Singapore về chủ quyền đối với Pedra Branca/Pulau Batu Puteh, Middle Rocks và South Ledge, *Tuyển tập các phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế*, 2008, tr. 1-81. Nguồn tư liệu tại trang web của PCA: <https://pcacases.com>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Xem thêm: Nguyễn Thanh Minh (đồng chủ biên) (2012), *Quy chế pháp lý quốc tế giải quyết tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
2. Nguyễn Thanh Minh (2011), “Quy chế pháp lý quốc tế đối với các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia ven biển từ lý luận đến thực tiễn”, tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 10.
3. Nguyễn Thanh Minh (2014), “Về một số hội nghị quốc tế liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa giai đoạn 1943-1951”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 9.

4. Nguyễn Thanh Minh (2014), “Một số vấn đề về quy chế pháp lý của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa”, tạp chí *Khoa học Chính trị Quân sự*, số 5.
5. Nguyễn Thanh Minh (2014), “Quan điểm xây dựng chính sách biển cận đại và hiện đại”, tạp chí *Kinh tế và Chính trị Thế giới*, số 12.
6. Nguyễn Thanh Minh (2015), “Các quốc gia trong khu vực Biển Đông cần tuân thủ nghiêm Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật Biển quốc tế năm 1982”, tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 3.
7. Marwyn S. Samuels (1982), *Tranh chấp Biển Đông*, Methuen, NewYork and London.
8. Nguyễn Q. Thắng, (2008), *Hoàng Sa-Trường Sa lãnh thổ Việt Nam nhìn từ công pháp quốc tế*, Nxb Tri thức.
9. Nguyễn Toàn Thắng (2009), “Vấn đề thụ đắc lãnh thổ trong luật quốc tế”, Chuyên đề thuộc đề tài nghiên cứu cấp nhà nước: *Cơ sở pháp lý về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa - Hoàng Sa* do Trung tâm Luật Biển và Hàng hải Quốc tế chủ trì.
10. Từ Đặng Minh Thu (1998), *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa - Thử phân tích lập luận của Việt Nam và Trung Quốc*, Tham luận tại Hội thảo hè “Vấn đề tranh chấp Biển Đông” tại New York City, <http://nghiencuubiendong.vn>, 01/12/2010.

TÓM TẮT

Trong bối cảnh hiện nay, vấn đề tranh chấp chủ quyền biển đảo đang có nhiều biểu hiện phức tạp, khi mà quan điểm chủ quyền giữa các quốc gia còn khác biệt nhau quá lớn. Vậy giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo bằng biện pháp nào để góp phần giữ vững môi trường hòa bình ổn định? Các quốc gia không được đơn phương dùng vũ lực để giải quyết tranh chấp, bởi sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp không cấu thành chủ quyền hợp pháp. Như vậy, giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo bằng biện pháp hòa bình là phương thức tối thượng nhất, phương thức này cho phép các quốc gia vận dụng những chế tài quốc tế về giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo. Bài viết sẽ điểm lại những án lệ có tính chất kinh điển để tham vấn và nhìn nhận vấn đề một cách khách quan cũng như gợi ý chính sách, bởi trong bối cảnh tranh chấp chủ quyền biển đảo ở khu vực Biển Đông đang có những dấu hiệu rất đáng quan ngại.

ABSTRACT

SOME VERDICTS OF INTERNATIONAL COURT OF ARBITRATION AND JUSTICE ON THE SETTLEMENT OF THE WORLD'S MARITIME TERRITORIAL SOVEREIGNTY DISPUTES FROM 1928 TO 2016

In current context, the issues of maritime territorial disputes are more complex due to different views on maritime territorial sovereignty among related countries. Thus, it is necessary to seek a sensible solution to settle maritime territorial in order to maintain peaceful and stable environment? Countries should not unilaterally use force to resolve disputes, which does not constitute a legitimate sovereign. Thus, the settlement of maritime territorial disputes by peaceful means is the most ultimate way allowing countries to make use of international sanctions. The article reviews the legal precedents for consultation and for the objective awareness of the related problems, as well as for policy suggestions to adjust to negative signs in the context of maritime territorial disputes in the East Sea.